

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 10 - 2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tấn Phát;

Bà Lưu Thị Kiên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 388/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kiều Thị Bích T, sinh năm: 1994; có mặt

Địa chỉ: Tổ 9 F1/34 ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Lê Tích A, sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố M, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-3-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kiều Thị Bích T trình bày:

Chị T và anh A tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 31-3-2015.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vì bản thân anh A không biết lo cho cuộc sống gia đình, tính tình ham chơi chị T góp ý anh A còn

đánh chị khi chị không có tiền đưa cho anh tiêu xài. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã sống ly thân với anh A từ tháng 9-2018 đến nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung tên Lê Duy T1, sinh ngày 19-3-2016, chị T yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tích A vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Lê Tích A bằng việc niêm yết công khai: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh An không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh A; Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung; Nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tại đơn khởi kiện chị T cung cấp anh Lê Tích A có địa chỉ tại: Tổ 7 ấp T, xã TĐ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án. Quá trình xác minh anh A đã chuyển hộ khẩu về địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 6, khu phố M, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh nên chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Anh Lê Tích A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng

dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Tích A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh A tự nguyện tìm hiểu tiền đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 31-3-2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị T trình bày anh A không lo lắng chăm sóc cho gia đình, không biết quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không mang lại hạnh phúc anh chị đã sống ly thân một thời gian dài từ tháng 9-2018 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh A không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh A.

[3] Về con chung: Anh A, chị T có con chung tên Lê Duy T1, sinh ngày 19-3-2016, con chung hiện ở với chị T nên giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; Về nợ chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo qui định Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Bích T và anh Lê Tích A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Duy T1, sinh ngày 19-3-2016, cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Tích A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Ghi nhận chị Kiều Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kiều Thị Bích T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi

kiện đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019637 ngày 29-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

5.Trường hợp quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tp.TN;
- Chi cục THADS Tp.TN;
- Các đương sự;
- Ủy ban ND xã Thanh Điền, h. Châu Thành, TN;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hương